

Số: 10/2024/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng,
chống ma túy;

Thực hiện Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở
Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác
phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 108/BC-HĐND ngày
28 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các chính sách, chế độ khác không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý.

2. Cá nhân có công phát hiện và trình báo đầu tiên với cơ quan có thẩm quyền về trồng cây có chứa chất ma túy; trực tiếp bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy.

3. Cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh.

4. Thân nhân của cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy hy sinh trong khi thi hành công vụ.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Hỗ trợ kinh phí cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: 25% mức lương cơ sở hiện hành/tháng/trường hợp được giúp đỡ.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác xóa bỏ cây có chứa chất ma túy

1. Hỗ trợ kinh phí cho cá nhân có công phát hiện và trình báo đầu tiên với cơ quan có thẩm quyền vùng trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy

a) Số lượng dưới 500 cây: 1.000.000 đồng/vụ việc.

b) Số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây: 3.000.000 đồng/vụ việc.

c) Số lượng từ 3.000 cây trở lên: 5.000.000 đồng/vụ việc.

2. Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia triệt phá, thu gom, tiêu hủy cây có chứa chất ma túy

a) Số lượng dưới 500 cây: 2.000.000 đồng/vụ việc.

b) Số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây: 4.000.000 đồng/vụ việc.

c) Số lượng từ 3.000 cây trở lên: 6.000.000 đồng/vụ việc.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng thực hiện các biện pháp đấu tranh với tội phạm về ma túy trong bắt giữ và khởi tố bị can theo các tội danh về ma túy được quy định tại Bộ luật Hình sự

1. Vụ án có đối tượng phạm tội hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia: 30.000.000 đồng/vụ án.

2. Vụ án Mua bán trái phép chất ma túy (không thuộc trường hợp có đối tượng phạm tội hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia): 7.000.000 đồng/vụ án.

3. Vụ án phạm tội về ma túy khác (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này): 5.000.000 đồng/vụ án.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng trực tiếp bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy: 5.000.000 đồng/đối tượng.

Điều 7. Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia phòng, chống ma túy bị phơi nhiễm hoặc nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

1. Trường hợp bị phơi nhiễm HIV: 15.000.000 đồng/người/lượt phơi nhiễm.

2. Trường hợp bị nhiễm HIV: 50.000.000 đồng/người.

Điều 8. Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh với tội phạm về ma túy trong khi thi hành công vụ bị thương phải điều trị tại bệnh viện, suy giảm khả năng lao động

1. Trường hợp bị thương phải điều trị tại bệnh viện: 5.000.000 đồng/trường hợp.

2. Trường hợp bị thương suy giảm khả năng lao động:

a) Từ 21% đến 40%: 20.000.000 đồng/trường hợp.

b) Từ 41% đến 60%: 30.000.000 đồng/trường hợp.

c) Từ 61% đến 80%: 40.000.000 đồng/trường hợp.

d) Từ 81% trở lên: 60.000.000 đồng/trường hợp.

Điều 9. Hỗ trợ kinh phí cho thân nhân của cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy hy sinh trong khi thi hành công vụ: 100.000.000 đồng/liệt sĩ.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước; Quốc hội; Chính phủ;
- Các bộ: Công an; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục V01 và C04 - Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Công báo Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Lg-185b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân